

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Nhận
2. Bà Phạm Thị Hoan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn H1, sinh năm 1963; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, nguyên đơn trình bày: Bà và ông H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hải Dương từ năm 1982. Do mất giấy chứng nhận kết hôn nên năm 2021 vợ chồng bà đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn lại. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã T, huyện T; chung sống hạnh phúc đến khoảng thời gian 10 năm trước vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà làm đơn ra xã, sau đó địa phương, đoàn thể hoà giải bà quay về chung sống với ông H1. Cho đến thời gian 05 năm trôi đi đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn

trầm trọng, hai bên bất đồng quan điểm sống, ông H1 không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Vợ chồng đã sống ly thân thời gian 05 năm nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H1, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn ông H1.

Về con chung: Bà xác định bà và ông H1 có 02 con chung Lê Văn T, sinh năm 1986 và Lê Tiến L, sinh năm 1988. Các con đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Bà và ông H1 đã thoả thuận xong về tài sản chung, nợ chung nên bà rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và Toà án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà, bà hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì. Vợ chồng không có nợ chung, không có công sức đóng góp gia đình hai bên. Nay bà không yêu cầu giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Lê Văn H1 trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị G đã khai. Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như bà H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có những bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, bà H làm đơn xin ly hôn, ông H1 không đồng ý ly hôn. Nếu bà H cứ kiên quyết xin ly hôn thì Toà án giải quyết ly hôn trên cơ sở đơn ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung như bà H đã khai đều đã trưởng thành. Vì vậy, ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Ông không đề nghị giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Ông và bà H không có công sức đóng góp gia đình hai bên.

\* Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn Hải đăng K kết hôn tại U, huyện T, chung sống với nhau từ năm 1982. Trong quá trình chung sống cách đây vài năm thì vợ chồng có mâu thuẫn, xung đột, xô sát và bất hoà với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H, đề nghị cho bà Lê Thị H ly hôn ông Lê Văn H1. Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết; Về tài sản chung: Bà H đã rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, Toà án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Bà Lê Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt của bà H, ông H1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H, ông H1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện T, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H và ý kiến của ông H1, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến khoảng thời gian 05 năm trở lại thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xảy ra xung đột dẫn đến đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Bà H xác định không còn tình cảm với ông H1 và xin ly hôn ông H1, ông H1 xác định có mâu thuẫn; ông H1 không có mặt tại phiên hoà giải thể hiện ông không có thiện chí vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ các bên đương sự không còn tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử cho bà H và ông Hải ly H2 là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Các con chung của ông bà đều đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Bà H, ông H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Tính đến thời điểm xét xử bà H đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo luật định. Vì vậy, bà H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử bà Lê Thị H và ông Lê Văn Hải ly H2.
2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Lê Thị H.
3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tm. Hết 0ảng xĐt xö s- thêm  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**